

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 14-02-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Ngọc
- Ông Võ Xuân Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-TCDS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-TCDS ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản ngân hàng S. Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lê Ngọc T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Đức T1 – Nhân viên Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP S. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Xóm B, thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2024, bản tự khai, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 12/10/2022, ông Nguyễn Đức T2 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T2, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 472074 - 2291 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Đến ngày 02/11/2022, ông T2 thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng S1 (viết tắt là S1) với số tiền giải ngân là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Đối với thẻ tín dụng VS P - 2291, sau khi được cấp tín dụng ông T2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 5.258.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay ông T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 954.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau thời gian sử dụng ông T2 không có thiện chí trả nợ. Do ông T2 vi phạm thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến ngày 11/04/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ VS payWave Cre Classic 472074-2291 và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang dư nợ quá hạn với tổng số tiền dư nợ quá hạn.

Đối với khoản vay tiêu dùng S1 giải ngân qua số tài khoản 3696162936 từ ngày giải ngân số tiền 15.000.000 đồng đến nay ông T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 0 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T2 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 3 của bản Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng S1), ngày 26/03/2023 Ngân hàng đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn (Điều 5 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S1).

Tính đến ngày 14/02/2025, ông Nguyễn Đức T2 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cụ thể:

- Loại thẻ VS payWave Cre Classic 472074-2291: dư nợ quá hạn: 5.291.045 đồng, lãi quá hạn: 4.946.968 đồng, tổng dư nợ: 10.238.013 đồng;

- Loại thẻ S1 Pay 211251-9672: dư nợ quá hạn: 16.377.000 đồng; lãi quá hạn: 8.782.864 đồng; tổng dư nợ: 25.159.864 đồng.

Tổng cộng: 35.397.877 đồng, trong đó: dư nợ quá hạn: 21.668.045 đồng, lãi quá hạn: 13.729.832 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Nguyễn Đức T2 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Nguyễn Đức T2 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã quy định tại Hợp đồng.

Do đó Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch:

Buộc ông Nguyễn Đức T2 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/02/2025 là: 35.397.877 đồng, trong đó: Dư nợ quá hạn: 21.668.045 đồng, lãi quá hạn: 13.729.832 đồng.

Buộc ông Nguyễn Đức T2 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2024, bị đơn anh Nguyễn Đức T2 trình bày: Ngày 25/10/2022, anh T2 có vay qua thẻ tín dụng của S1 hạn mức 20.000.000 đồng, trong thời gian đó đến nay, anh T2 chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho phía Ngân hàng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Anh T2 mong muốn được trả khoản nợ này trước ngày 20/01/2025.

Anh T2 đồng ý với bản sao kê tiền gốc và lãi đối với khoản vay mà Ngân hàng đã cung cấp và không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với anh Nguyễn Đức T2. Buộc anh T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 35.397.877 đồng, trong đó: dư nợ quá hạn 21.668.045 đồng, lãi quá hạn: 13.729.832 đồng. Về án phí: Buộc anh T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là ông Trần Đức T1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đăng ký thường trú tại thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu buộc anh Nguyễn Đức T2 phải trả nợ toàn bộ dư nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/02/2025) và yêu cầu anh T2 phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ:

[2.1] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 25/10/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với anh Nguyễn Đức T2 thì giữa chủ thẻ là anh Nguyễn Đức T2 và bên phát hành thẻ là Ngân hàng TMCP S có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 472074 - 2291 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Đến 02/11/2022, anh T2 thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng S1 với số tiền giải ngân là 15.000.000 đồng. Theo các Bảng tóm tắt sao kê các giao dịch của anh Nguyễn Đức T2 do Ngân hàng TMCP S cung cấp thì anh T2 kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 11/2022, trong thời gian sử dụng thẻ anh T2 thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.258.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 954.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức T2 cũng đã thừa nhận có vay qua thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S hạn mức 20.000.000 đồng

Đối chiếu với bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S; bản sao kê chi tiết tài khoản thẻ tín dụng và sao kê giao dịch thẻ tín dụng của anh T2 từ ngày sao kê 10/11/2022 cho đến ngày 12/11/2024, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Đức T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng; vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang dư nợ quá hạn ngày 11/04/2023 đối với thẻ VS payWave Cre Classic 472074-2291 và ngày 26/3/2023 đối với khoản vay trên ứng dụng S1 với tổng dư nợ kỳ trước thành dư nợ cuối kỳ với tổng số tiền là 21.668.045 đồng là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về số tiền lãi quá hạn: Sau khi anh Nguyễn Đức T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 11/04/2023, Ngân hàng đã áp dụng lãi suất quá hạn 4,155 %/tháng (bằng 150 % lãi suất nợ trong hạn là 2,77%/tháng) đối với thẻ VS payWave Cre Classic 472074-2291 và ngày 26/3/2023, Ngân hàng đã áp dụng lãi suất quá hạn 2,33 %/tháng (bằng 150% lãi suất nợ trong hạn là 1,55%/tháng) đối với khoản vay trên ứng dụng S1 là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận. Tổng số tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 14/02/2025) là: 13.729.832 đồng.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, buộc bị đơn anh Nguyễn Đức T2 phải có nghĩa vụ trả nợ

cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 35.397.877 đồng (tạm tính đến ngày 14/02/2025); trong đó dư nợ quá hạn 21.668.045 đồng, tiền lãi quá hạn 13.729.832 đồng và buộc anh Nguyễn Đức T2 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, buộc anh Nguyễn Đức T2 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền 35.397.877 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng); trong đó, dư nợ quá hạn là 21.668.045 đồng, lãi quá hạn là 13.729.832 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2025.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, anh Nguyễn Đức T2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

2/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đức T2 phải chịu số tiền 1.769.893đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 696.853 đồng đã nộp theo biên lai số 0012964 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/02/2025); đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS T.P Hồ Chí Minh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

